TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày: 01- 4- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Ngân
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa*: bà Phạm Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/HSST-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/11/1989 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1962; chồng là: anh Phạm Đình L, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự, tiền án: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/12/2024 đến nay.

2. Phạm Tiến D, sinh ngày 25/12/1987 tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; vợ

là: chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1989 và có 03 con, con lớn sinh năm 2019 và 02 con nhỏ đều sinh năm 2024 (sinh đôi); Tiền sự, tiền án: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/12/2024 đến nay.

3. Nguyễn Thị D1, sinh ngày 14/6/1990 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung D2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1968; chồng là: anh Nguyễn Huy T3, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền sự, tiền án: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/12/2024 đến nay.

4. Đinh Thị T4, sinh ngày 18/11/1990 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn A, xã Q (nay là xã T), huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Thế N2, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1968; chồng là: anh Nguyễn Văn D4, sinh năm 1987 (đã chết) và có 01 con sinh năm 2014; Tiền sự, tiền án: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/12/2024 đến nay.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà)

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần M; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Đình D5- Tổng Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: bà Vũ Thị L2- Giám đốc nhân sự Công ty

- *Người làm chứng:* chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Bị hại và người làm chứng đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N, Đinh Thị T4, Nguyễn Thị D1 đều là nhân viên hợp đồng làm việc tại kho nguyên phụ liệu thuộc Công ty Cổ phần M; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nguyễn Thị N được bổ nhiệm làm trưởng nhóm phụ liệu theo Quyết định bổ nhiệm số 03/2021-QĐ ngày 01/06/2021 của Công

ty Cổ phần M. Theo đó, N có trách nhiệm quản lý, phân việc cho 09 người, trong đó có T4 và D1; nhận phụ liệu (cúc, khoá, chỉ, mác) và phân đơn hàng cho mọi người trong nhóm, quản lý theo dõi các đơn hàng theo phân công; quản lý, phân loại, bảo quản phụ liệu thừa trong quá trình sản xuất và thống kê báo lại cho anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993, trú tại thôn X, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình là thủ kho của Công ty cổ phần M khi có yêu cầu của công ty.

Trong quá trình làm trưởng nhóm phụ liệu, N thường xuyên nhận phụ liệu trực tiếp với Phạm Tiến D là lái xe của Công ty TNHH H1; địa chỉ: khu công nghiệp D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên hai người đã quen biết nhau. Khoảng giữa tháng 8/2024, D gặp, bàn bạc và thỏa thuận với N về việc nếu có chỉ thừa lưu trữ tại kho (chỉ tồn) của Công ty thì bán cho D với giá 400.000 đồng/01 kiện (01 thùng catton đựng 100 cuộn chỉ thừa), N đồng ý. Sau khi thỏa thuận với D, N bảo D1, T4 cùng lấy chỉ thừa của Công ty do mình quản lý để bán cho D, số tiền bán được sẽ chia nhau, D1, T4 đồng ý và từ đó, hàng ngày, N, Dơn, T4 thu gom các cuộn chỉ thừa thuộc mã được giao quản lý, xếp vào kho của Công ty. Đến 11 giờ ngày 13/09/2024, D nhận lệnh của Công ty TNHH H1 điều khiển xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89LD-004.97 của Công ty chở hàng đi giao cho các công ty khác (trong đó có Công ty cổ phần M). D gọi điện thoại hỏi N trong kho có chỉ tồn không thì chuẩn bị, chiều D qua lấy, N nói với D là có khoảng 20 kiện. Sau đó, N nói với D1, T4 lấy 21 kiện chỉ tồn ở kho của Công ty do mình quản lý chuyển lên xe ô tô để D mang đi bán và nói "Để lấy được các kiện chỉ tồn này thì phải làm các tem dán đầu thùng có tên của Công ty H2, khi xe của D ra cổng, bảo vệ kiểm tra thì nghĩ là hàng Công ty H2". Dơn sử dụng máy tính và máy in của Công ty cổ phần M đánh máy và in 21 tem có các trường thông tin giống với tem của Công ty TNHH H1; N, D1, T4 cùng nhau dán 21 tem trên vào 21 kiện chỉ tồn đã chuẩn bị sẵn để ở kho phụ liệu.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi D điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89LD - 004.97 chở phụ liệu của Công ty TNHH H1 đến giao cho Công ty cổ phần M. D bốc các kiện nguyên phụ liệu xuống để ở kho tầng 1 của Công ty; Nhường, T4, Dơn kiểm và nhận hàng. Sau khi giao nhận hàng xong, N, T4, Dơn lần lượt bốc hết 21 kiện chỉ tồn để D đứng ở trên xếp vào thùng xe và tiếp tục vào làm việc. D đóng cửa thùng xe và điều khiển xe ô tô chở theo số chỉ tồn trên đi đến cổng của Công ty cổ phần M thì bảo vệ yêu cầu D dừng xe và mở thùng xe để kiểm tra. Kết quả kiểm tra xác định: trên thùng xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89LD

- 004.97 do D điều khiển có 21 thùng catton đều có kích thước (25 x 32 x 60)cm, tổng cộng 2.100 cuộn chỉ, trị giá 8.400.000 đồng. D khai nhận số chỉ trên là của N, D1, T4 lấy từ kho của Công ty cổ phần M1 cho D theo sự bàn bạc thống nhất từ trước, không được sự đồng ý của Công ty. Công ty cổ phần M có đơn trình báo và phối hợp với Công an huyện Q lập biên bản vụ việc, thu giữ và niêm phong 21 thùng bìa catton kích thước (25 x 32 x 60)cm, bên trong đựng tổng cộng 2.100 cuộn chỉ trước sự chứng kiến của người làm chứng: Nguyễn Thị O là nhân viên nhân sự của Công ty cổ phần M có trách nhiệm phân công, điều động nhân viên bảo vệ, thực hiện nhiệm vụ và bà Vũ Thị L2 - Giám đốc nhân sự của Công ty cổ phần M. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q còn thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu G5 màu hồng phấn, lắp 01 sim số 0969319836 của Phạm Tiến D; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, lắp 02 sim số 0355301158 và 0859559747 của Nguyễn Thị N.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSQP ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Thị N, Phạm Tiến D, Nguyễn Thị D1 và Đinh Thị T4 về tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự và thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Tiến D, Nguyễn Thị D1 và Đinh Thị T4 về tội "Tham ô tài sản"

+ Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353; các điểm h, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, D1, T4:

Xử phạt bị cáo **Phạm Tiến D** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D1** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T4** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu để tiêu huỷ 01 (một) phong bì niêm phong bên trong đựng 21 giấy dán trên các đầu thùng catton có kích thước (10X21cm); Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong có xác sim điện thoại, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu G5 màu hồng phấn, bên trong có xác sim điện thoại đã qua sử dụng của Phạm Tiến D (đều đựng trong phong bì niêm phong)

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tham ô tài sản và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Do đã có sự bàn bạc thống nhất từ trước giữa Nguyễn Thị N và Phạm Tiến D, Nguyễn Thị D1, Đinh Thị T4. Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 13/9/2024, tại Công ty cổ phần M, ở thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Thị N đã có hành vi lợi dụng quyền hạn làm trưởng nhóm phụ kiện trong Công ty, cùng với Nguyễn Thị D1, Đinh Thị T4 chiếm đoạt 2.100 cuộn chỉ may thừa là nguyên liệu chờ thanh lý (chỉ tồn), trị giá 8.400.000 đồng của Công ty Cổ phần M do Nhường quản lý chuyển lên xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, biển số đăng ký 89LD-004.97 bán cho Phạm Tiến D, mục đích lấy tiền chia nhau.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, các bị cáo đã phạm tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự và thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353. Tội tham ô tài sản

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này."

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả và vai trò phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã lợi dụng quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý nhằm chiếm đoạt tài sản của công ty với lỗi cố ý; xâm phạm đến quyền sở hữa tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ. Bị cáo N được giao quyền hạn làm trưởng nhóm phụ liệu trong công ty nhưng đã thông đồng với bị cáo D; khởi xướng, chỉ đạo các bị cáo D1, T4 thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo N giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo D trực tiếp bàn bạc, thỏa thuận mua số cuộn chỉ thừa của Công ty với bị cáo N nên bị cáo D giữ vai trò thứ hai sau bị cáo N. Các bị cáo D1, T4 đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo N (làm tem, dán tem và cùng với bị cáo N vận chuyển các thùng chỉ thừa lên xe ô tô) nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; số tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn nên các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Người phạm tội thành khẩn

khai báo" và "Gây thiệt hại không lớn" quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N thực hiện tội phạm khi đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là phụ nữ có thai" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N với vai trò chính trong vụ án; là người được giao quyền hạn quản lý nhóm trong công ty nhưng đã thông đồng, khởi xướng và chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi tham ô tài sản của công ty nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Các bị cáo D, D1, T4 đều giữ vai trò sau bị cáo N, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Các bị cáo D, D1, T4 đều có nhân thân tốt và có khả năng tự cải tạo bản thân nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo. Bị cáo D phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo N nhưng cao hơn các bị cáo D1, T4 là phù hợp với vai trò phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều đã nghỉ việc tại công ty và không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty Cổ phần M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tài sản bị thu giữ gồm: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89LD- 004.97, quá trình điều tra xác định: xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH H1. Ngày 21/9/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại xe cho Công ty TNHH H1 theo quy định của pháp luật. 2.100 cuộn chỉ đựng trong 21 thùng catton, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty cổ phần M, ngày 14/01/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho Công ty cổ phần M theo quy định của pháp luật.

- 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 21 giấy dán trên các đầu thùng catton đựng chỉ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị N; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu G5 màu hồng phấn, đã qua sử dụng của Phạm Tiến D, Các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Tiến D, Nguyễn Thị D1 và Đinh Thị T4 phạm tội "Tham ô tài sản"

- Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353; các điểm h, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 38, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, D1, T4:

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Tiến D** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Tiến D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T4** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị T4 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,*

- Tịch thu để tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong đựng 21 giấy dán trên các đầu thùng catton có kích thước (10x21cm)

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, bên trong có xác sim điện thoại, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu G5 màu hồng phấn, bên trong có xác sim điện thoại đã qua sử dụng của Phạm Tiến D (đều đựng trong phong bì niêm phong)

Vật chứng trên đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 28/02/2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Tiến D, Nguyễn Thị D1 và Đinh Thị T4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Thái Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Phụ;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng